

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 26/6/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 01

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN26062026-001	Cao Thị Vân Anh	20.08.1992	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh
2	GCN26062026-002	Hoàng Nguyễn Anh	25.01.1997	Nam	Kinh	Thái Bình
3	GCN26062026-003	Ngô Hải Anh	21.06.1984	Nam	Kinh	Hung Yên
4	GCN26062026-004	Ngô Ngọc Anh	23.05.1975	Nam	Kinh	Hà Nội
5	GCN26062026-005	Nguyễn Tuấn Anh	24.04.1992	Nam	Kinh	Hà Tây
6	GCN26062026-006	Phạm ngọc Anh	16.01.1978	Nam	Kinh	Hà Nội
7	GCN26062026-007	Trần Minh Anh	29.12.1997	Nam	Tày	Bắc Kạn
8	GCN26062026-008	Vũ Hoàng Anh	30.09.1998	Nam	Kinh	Hà Nội
9	GCN26062026-009	Bùi Ngọc Bách	18.03.1990	Nam	Tày	Lào Cai
10	GCN26062026-010	Phạm Văn Ban	30.10.1987	Nam	Kinh	Hà Nội
11	GCN26062026-011	Phạm Quang Bắc	08.06.1994	Nam	Kinh	Hải Phòng
12	GCN26062026-012	Dương Văn Biên	07.03.1984	Nam	Kinh	Ninh Bình
13	GCN26062026-013	Nguyễn Xuân Bình	07.05.1997	Nam	Kinh	Lào Cai
14	GCN26062026-014	Trịnh Tứ Bình	31.12.1978	Nam	Kinh	Thanh Hoá
15	GCN26062026-015	Nguyễn Văn Bốn	01.01.1988	Nam	Kinh	Hà Nội
16	GCN26062026-016	Vũ Chính Công	01.08.1990	Nam	Kinh	Tuyên Quang
17	GCN26062026-017	Tăng Bá Cường	31.01.1992	Nam	Kinh	Hải Phòng
18	GCN26062026-018	Hoàng Việt Cường	25.05.1985	Nam	Kinh	Hà Nội
19	GCN26062026-019	Quan Văn Cường	19.03.1986	Nam	Tày	Tuyên Quang
20	GCN26062026-020	Phùng Công Chiêu	29.03.1982	Nam	Kinh	Hà Nội
21	GCN26062026-021	Đỗ Phú Chính	15.09.1992	Nam	Kinh	Hung Yên
22	GCN26062026-022	Nguyễn Văn Chung	25.06.1983	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN26062026-023	Văn Thế Chung	30.11.1987	Nam	Kinh	Thanh Hoá
24	GCN26062026-024	Nguyễn Văn Dinh	10.03.1991	Nam	Kinh	Nghệ An
25	GCN26062026-025	Lê Ngọc Dẫn	19.06.2002	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
26	GCN26062026-026	Ngô Xuân Dung	02.10.1983	Nam	Kinh	Hà Nội
27	GCN26062026-027	Nguyễn Tài Dũng	07.10.1993	Nam	Kinh	Hà Nội
28	GCN26062026-028	Nguyễn Văn Dũng	30.01.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN26062026-029	Đỗ Khánh Duy	13.12.1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN26062026-030	Hoàng Khương Duy	17.05.1994	Nam	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN26062026-031	Dương Văn Duyên	21.01.1988	Nam	Kinh	Hà Nội
32	GCN26062026-032	Phạm Thị Ngọc Duyên	19.09.1987	Nữ	Kinh	Phú Thọ
33	GCN26062026-033	Nguyễn Đức Dương	18.06.1989	Nam	Kinh	Hải Phòng
34	GCN26062026-034	Hồ Văn Đài	01.06.1992	Nam	Thái	Lai Châu
35	GCN26062026-035	Hoàng Đàm	02.04.1988	Nam	Kinh	Hung Yên
36	GCN26062026-036	Nguyễn Văn Đạo	21.05.2026	Nam	Kinh	Hà Tây
37	GCN26062026-037	Hoàng Tuấn Đạt	16.05.1996	Nam	Kinh	Thái Bình
38	GCN26062026-038	Lưu Văn Đạt	31.10.2001	Nam	Kinh	Vĩnh phúc
39	GCN26062026-039	Tổng Minh Đạt	27.10.2006	Nam	Kinh	Ninh Bình
40	GCN26062026-040	Phạm Hải Đăng	06.12.1989	Nam	Nùng	Hòa Bình

Ấn định danh sách có: 40 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 26/6/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 02

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN26062026-041	Lê Tiên Định	07.11.1989	Nam	Kinh	Hung Yên
2	GCN26062026-042	Lê Văn Đông	10.09.1986	Nam	Kinh	Hà Nam
3	GCN26062026-043	Nguyễn Văn Đông	13.08.1990	Nam	Kinh	Thanh Hóa
4	GCN26062026-044	Nguyễn Văn Đông	21.01.1991	Nam	Kinh	Ninh Bình
5	GCN26062026-045	Ngô Quang Đức	03.01.1992	Nam	Kinh	Nghệ An
6	GCN26062026-046	Nguyễn Đình Đức	16.09.1988	Nam	Kinh	Hà Nội
7	GCN26062026-047	Nguyễn Minh Đức	07.10.1983	Nam	Kinh	Ninh Bình
8	GCN26062026-048	Vũ Thế Giang	02.08.1980	Nam	Kinh	Phú Thọ
9	GCN26062026-049	Nguyễn Trọng Giáp	25.01.1984	Nam	Kinh	Hải Phòng
10	GCN26062026-050	Đặng Thị Hoàng Hà	02.01.1993	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN26062026-051	Trần Ngọc Hà	01.08.2005	Nam	Kinh	Yên Bái
12	GCN26062026-052	Trần Thị Hải Hà	02.09.1992	Nữ	Kinh	Hung Yên
13	GCN26062026-053	Lưu Đông Hải	11.09.1994	Nam	Kinh	Phú Thọ
14	GCN26062026-054	Nguyễn Tuyển Hải	14.02.1994	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	GCN26062026-055	Nguyễn Văn Hải	06.06.1995	Nam	Kinh	Quảng Ninh
16	GCN26062026-056	Phạm Văn Hải	26.05.1992	Nam	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN26062026-057	Trần Trọng Hải	25.06.1984	Nam	Kinh	Quảng Bình
18	GCN26062026-058	Lưu Thị Hạnh	27.05.1991	Nữ	Kinh	Hà Nội
19	GCN26062026-059	Dương Thị Hiền	29.03.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN26062026-060	Nguyễn Thế Hiền	22.02.1992	Nam	Kinh	Bắc Ninh
21	GCN26062026-061	Ngô Đại Hiệp	02.09.1991	Nam	Kinh	Nghệ An
22	GCN26062026-062	Nguyễn Văn Hiệp	04.08.1990	Nam	Kinh	Bắc Ninh
23	GCN26062026-063	Hà Duy Hiếu	22.04.2005	Nam	Thái	Thanh Hoá
24	GCN26062026-064	Lê Văn Hiếu	12.02.1985	Nam	Kinh	Ninh Bình
25	GCN26062026-065	Nông Văn Hiếu	15.11.1983	Nam	Tày	Cao Bằng
26	GCN26062026-066	Trần Huy Hiếu	01.02.1989	Nam	Tày	Lào Cai
27	GCN26062026-067	Nguyễn Văn Hoàn	03.09.1990	Nam	Kinh	Nam Định
28	GCN26062026-068	Cao Quảng Hoàng	25.02.1985	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
29	GCN26062026-069	Nguyễn Huy Hoàng	06.10.1994	Nam	Kinh	Hung Yên
30	GCN26062026-070	Nguyễn Văn Hoàng	03.06.1989	Nam	Kinh	Bắc Ninh
31	GCN26062026-071	Nguyễn Thái Học	11.11.1988	Nam	Kinh	Ninh Bình
32	GCN26062026-072	Trần Thanh Hồng	10.10.1987	Nam	Kinh	Quảng Nam
33	GCN26062026-073	La Đức Hùng	15.11.1982	Nam	Tày	Tuyên Quang
34	GCN26062026-074	Lê Cao Hùng	18.08.1989	Nam	Kinh	Hà Tây
35	GCN26062026-075	Nguyễn Đình Hùng	24.04.1985	Nam	Kinh	Bắc Ninh
36	GCN26062026-076	Nguyễn Quốc Hùng	05.11.1993	Nam	Mường	Lào Cai
37	GCN26062026-077	Phạm Đỗ Việt Hùng	21.09.1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN26062026-078	Triệu Việt Hùng	05.12.1988	Nam	Nùng	Tuyên Quang
39	GCN26062026-079	Vũ Văn Hùng	01.02.1987	Nam	Kinh	Thái Bình

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 26/6/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 03

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN26062026-080	Nguyễn Quốc Huy	07.08.1991	Nam	Kinh	Hà Nội
2	GCN26062026-081	Lý Văn Huỳnh	18.02.1995	Nam	Nùng	Cao Bằng
3	GCN26062026-082	Bùi Khánh Hưng	17.10.1997	Nam	Kinh	Hà Nội
4	GCN26062026-083	Lăng Khắc Hưng	20.06.1992	Nam	Kinh	Nghệ An
5	GCN26062026-084	Lê Kiều Hưng	18.11.1974	Nam	Kinh	Hà Nội
6	GCN26062026-085	Lê Việt Hưng	25.11.1997	Nam	Kinh	Hải Phòng
7	GCN26062026-086	Trần Anh Hưng	29.05.1996	Nam	Kinh	Ninh Bình
8	GCN26062026-087	Võ Văn Hưng	12.10.2001	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
9	GCN26062026-088	Đỗ Xuân Hương	21.10.1979	Nam	Kinh	Bắc Ninh
10	GCN26062026-089	Lê Thị Hương	29.05.1983	Nữ	Mường	Hà Nội
11	GCN26062026-090	Lương Mai Hương	06.08.1985	Nữ	Kinh	Hà Nội
12	GCN26062026-091	Phạm Quốc Kỳ	05.05.1990	Nam	Kinh	Quảng Nam
13	GCN26062026-092	Lê Mạnh Kỳ	02.05.1985	Nam	Kinh	Nam Định
14	GCN26062026-093	Nguyễn Văn Khánh	08.01.1982	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN26062026-094	Phạm Văn Khoê	06.04.1986	Nam	Kinh	Hung Yên
16	GCN26062026-095	Bùi Quỳnh Khôi	22.02.1986	Nam	Kinh	Quảng Ninh
17	GCN26062026-096	Nguyễn Thị Lành	28.04.1992	Nữ	Kinh	Ninh Bình
18	GCN26062026-097	Bùi Duy Lâm	10.08.1978	Nam	Kinh	Tuyên Quang
19	GCN26062026-098	Lê Văn Lịch	28.10.1991	Nam	Kinh	Ninh Bình
20	GCN26062026-099	Bùi Xuân Linh	19.10.1985	Nam	Kinh	Hà Nội
21	GCN26062026-100	Hà Hải Linh	06.12.1991	Nữ	Kinh	Ninh Bình
22	GCN26062026-101	Nguyễn Thùy Linh	27.10.1991	Nữ	Kinh	Hải Phòng
23	GCN26062026-102	Nguyễn Văn Linh	20.06.1986	Nam	Kinh	Nghệ An
24	GCN26062026-103	Trần Hoài Linh	06.07.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN26062026-104	Trương Thùy Linh	31.08.1995	Nữ	Kinh	Lào Cai
26	GCN26062026-105	Mai Xuân Long	27.09.1992	Nam	Kinh	Ninh Bình
27	GCN26062026-106	Nguyễn Văn Long	22.11.1987	Nam	Tày	Tuyên Quang
28	GCN26062026-107	Trần Thăng Long	22.12.1978	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
29	GCN26062026-108	Bùi Thị Kim Luân	23.03.1981	Nữ	Kinh	Hà Nội
30	GCN26062026-109	Thân Ngọc Luân	07.06.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
31	GCN26062026-110	Nguyễn Minh Lực	02.05.1988	Nam	Tày	Tuyên Quang
32	GCN26062026-111	Nguyễn Thị Lý	03.07.1985	Nữ	Kinh	Hung Yên
33	GCN26062026-112	Đinh Phương Mai	24.12.2006	Nữ	Kinh	Thái Bình
34	GCN26062026-113	Lô Duy Mạnh	07.06.1993	Nam	Thái	Nghệ An
35	GCN26062026-114	Nguyễn Văn Mạnh	16.01.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
36	GCN26062026-115	Tạ Đức Mạnh	10.04.1993	Nam	Kinh	Phú Thọ
37	GCN26062026-116	Nguyễn Khắc Mạnh	21.09.1983	Nam	Kinh	Bắc Ninh
38	GCN26062026-117	Triệu Văn Mẫn	10.09.1982	Nam	Kinh	Hung Yên
39	GCN26062026-118	Hà Quang Minh	11.09.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 26/6/2026 LƯU Ý: CHIỀU

PHÒNG THI: 04

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NOI SINH
1	GCN26062026-119	Nguyễn Quang Minh	25.04.1988	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN26062026-120	Nguyễn Văn Minh	19.10.1990	Nam	Kinh	Quảng Ninh
3	GCN26062026-121	Phạm Văn Minh	19.05.1998	Nam	Kinh	Yên Bái
4	GCN26062026-122	Trần Công Minh	15.08.1991	Nam	Kinh	Ninh Bình
5	GCN26062026-123	Đặng Thành Nam	16.09.1984	Nam	Kinh	Nghệ An
6	GCN26062026-124	Đỗ Hương Nam	27.06.1995	Nữ	Kinh	Lào cai
7	GCN26062026-125	Hà Đức Nam	24.02.2002	Nam	Tày	Bắc Kạn
8	GCN26062026-126	Lê Hoài Nam	16.03.1986	Nam	Kinh	Hà Nội
9	GCN26062026-127	Nguyễn Hoàng Nam	10.12.1987	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN26062026-128	Nguyễn Văn Ninh	02.09.1977	Nam	Kinh	Thái Bình
11	GCN26062026-129	Lê Thị Quỳnh Nga	03.11.1979	Nữ	Kinh	Nam Định
12	GCN26062026-130	Trần Thị Thúy Nga	05.03.1994	Nữ	Kinh	Phú Thọ
13	GCN26062026-131	Hoàng Thị Ngân	18.02.1992	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN26062026-132	Nguyễn Tuấn Ngọc	22.08.2002	Nam	Kinh	Bắc Giang
15	GCN26062026-133	Nguyễn Trọng Ngọc	22.10.1996	Nam	Kinh	Hải Dương
16	GCN26062026-134	Hà Văn Nhi	17.05.1991	Nam	Mường	Son La
17	GCN26062026-135	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22.07.1990	Nữ	Kinh	TP HCM
18	GCN26062026-136	Nguyễn Việt Nhượng	20.07.1990	Nam	Kinh	Hà Nội
19	GCN26062026-137	Nguyễn Hồng Phi	22.08.2002	Nam	Kinh	Phú Thọ
20	GCN26062026-138	Hoàng Văn Phú	24.08.1990	Nam	Kinh	Ninh Bình
21	GCN26062026-139	Đinh Hồng Phúc	10.02.1986	Nam	Kinh	Phú Thọ
22	GCN26062026-140	Trần Mạnh Phúc	26.08.1992	Nam	Kinh	Phú Thọ
23	GCN26062026-141	Phạm Ngọc Phước	10.04.2003	Nam	Kinh	Thái Bình
24	GCN26062026-142	Nguyễn Phước	04.12.1983	Nam	Kinh	Đồng Nai
25	GCN26062026-143	Hoàng Trọng Phương	04.05.1996	Nam	Kinh	Bắc Ninh
26	GCN26062026-144	Lý Thị Phương	21.11.1999	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
27	GCN26062026-145	Nguyễn Mai Phương	14.09.1991	Nữ	Kinh	Son La
28	GCN26062026-146	Dương Văn Phụng	06.01.1994	Nam	Kinh	Hà Nội
29	GCN26062026-147	Nguyễn Minh Quang	08.03.1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN26062026-148	Nguyễn Đức Quân	04.11.1994	Nam	Kinh	Hải Phòng
31	GCN26062026-149	Trịnh Khắc Quân	02.08.1984	Nam	Kinh	Thanh Hoá
32	GCN26062026-150	Vương Hoàng Quân	07.12.1999	Nam	Kinh	Hà Nội
33	GCN26062026-151	Nguyễn Quyết	16.03.1988	Nam	Kinh	Hung Yên
34	GCN26062026-152	Nguyễn Mạnh Quỳnh	16.10.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN26062026-153	Phạm Đăng Quỳnh	18.04.1993	Nam	Kinh	Thái Bình
36	GCN26062026-154	Trần Văn Quỳnh	23.05.1992	Nam	Kinh	Bắc Ninh
37	GCN26062026-155	Nguyễn Thị Sen	24.04.1994	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
38	GCN26062026-156	Thào Seo Sĩ	20.04.1995	Nam	Mông	Lào Cai

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 26/6/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 05

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN26062026-157	Lê Thế Sơn	18.08.1983	Nam	Kinh	Lạng Sơn
2	GCN26062026-158	Ngô Cao Sơn	18.11.1977	Nam	Kinh	Hải Phòng
3	GCN26062026-159	Nguyễn Hồng Sơn	20.07.1997	Nam	Kinh	Yên Bái
4	GCN26062026-160	Võ Ngọc Sơn	15.05.1998	Nam	Kinh	Quảng Trị
5	GCN26062026-161	Nông Công Sự	02.07.1988	Nam	Tày	Đồng Nai
6	GCN26062026-162	Nguyễn Đức Tánh	12.07.1999	Nam	Kinh	Tp Hồ Chí Minh
7	GCN26062026-163	Bùi Minh Tâm	21.10.1982	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN26062026-164	Nguyễn Đức Tâm	22.07.1998	Nam	Kinh	Thanh Hóa
9	GCN26062026-165	Bùi Thái Tiến	08.06.2004	Nam	Kinh	Nghệ An
10	GCN26062026-166	Bùi Văn Tiến	07.08.1993	Nam	Kinh	Phú Thọ
11	GCN26062026-167	Vũ Thành Tị	12.06.1989	Nam	Kinh	Hải Phòng
12	GCN26062026-168	Nguyễn Gia Toàn	02.08.1987	Nam	Kinh	Bắc Ninh
13	GCN26062026-169	Nguyễn Văn Toàn	27.07.1997	Nam	Kinh	Hà Nội
14	GCN26062026-170	Vũ Văn Toàn	21.06.1999	Nam	Kinh	Hải Phòng
15	GCN26062026-171	Nguyễn Trung Toàn	29.03.1986	Nam	Tày	Lạng Sơn
16	GCN26062026-172	Nguyễn Anh Tú	05.09.1988	Nam	Kinh	Bắc Ninh
17	GCN26062026-173	Trần Bá Tụ	26.10.1986	Nam	Kinh	Hải phòng
18	GCN26062026-174	Phạm Chí Tuấn	04.03.1981	Nam	Kinh	Ninh Bình
19	GCN26062026-175	Gia Thanh Tuấn	20.06.1989	Nam	Tày	Thái nguyên
20	GCN26062026-176	Nguyễn Hữu Tuấn	17.02.1978	Nam	Kinh	Hà Nội
21	GCN26062026-177	Phạm Văn Tuệ	23.01.1980	Nam	Kinh	Ninh Bình
22	GCN26062026-178	Đặng Nguyễn Thanh Tùn	30.11.1991	Nam	Kinh	TP Huế
23	GCN26062026-179	Nguyễn Thanh Tùng	10.08.1984	Nam	Kinh	Hà Nội
24	GCN26062026-180	Nguyễn Văn Tùng	20.01.1984	Nam	Kinh	Hải Dương
25	GCN26062026-181	Phạm Quang Tùng	28.03.1990	Nam	Kinh	Hưng Yên
26	GCN26062026-182	Trần Viết Tuyên	01.08.1983	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
27	GCN26062026-183	Vũ Ngọc Tuyên	28.04.1982	Nam	Kinh	Ninh Bình
28	GCN26062026-184	Nguyễn Đức Thái	03.12.1992	Nam	Kinh	Hưng Yên
29	GCN26062026-185	Đỗ Khoan Thanh	13.03.1998	Nam	Kinh	Bắc Ninh
30	GCN26062026-186	Nguyễn Ngọc Thanh	01.11.1981	Nam	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN26062026-187	Nguyễn Văn Thanh	07.08.1986	Nam	Kinh	Bắc Ninh
32	GCN26062026-188	Vũ Duy Thanh	13.10.1992	Nam	Kinh	Thái Bình
33	GCN26062026-189	Đặng Tiến Thành	22.10.1993	Nam	Kinh	Hà Nội
34	GCN26062026-190	Nông Văn Thành	09.12.1992	Nam	Tày	Thái Nguyên
35	GCN26062026-191	Nguyễn Minh Thành	23.09.1995	Nam	Kinh	Tuyên Quang
36	GCN26062026-192	Phạm Tất Thành	12.01.1979	Nam	Kinh	Nam Định
37	GCN26062026-193	Lộc Thị Thảo	16.07.1996	Nữ	Thái	Phú Thọ
38	GCN26062026-194	Chu Văn Thắng	20.01.1986	Nam	Kinh	Ninh Bình
39	GCN26062026-195	Đặng Vũ Thắng	25.01.1994	Nam	Tày	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

NGÀY THI: 26/6/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 06

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN26062026-196	Đoàn Chiến Thắng	01.05.1987	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
2	GCN26062026-197	Trần Bá Thắng	03.05.1984	Nam	Kinh	Quảng Trị
3	GCN26062026-198	Nguyễn Văn Thế	24.08.1996	Nam	Kinh	Thanh Hoá
4	GCN26062026-199	Vương Toàn Thế	26.10.1994	Nam	Kinh	Tuyên Quang
5	GCN26062026-200	Vi Thị Thiêm	07.11.1989	Nữ	Nùng	Bắc Ninh
6	GCN26062026-201	Trịnh Văn Thiện	20.08.1980	Nam	Kinh	Ninh Bình
7	GCN26062026-202	Đoàn Lịch Thiệp	06.12.1975	Nam	Kinh	Ninh Bình
8	GCN26062026-203	Hà Văn Thoại	15.10.1994	Nam	Thái	Thanh Hoá
9	GCN26062026-204	Vũ Hồng Thông	17.08.2001	Nam	Kinh	Bắc Giang
10	GCN26062026-205	Trần Văn Thơ	25.02.1995	Nam	Kinh	Ninh Bình
11	GCN26062026-206	Cao Thuần	12.02.1991	Nam	Kinh	Nghệ An
12	GCN26062026-207	Hoàng Khắc Thuận	10.10.1987	Nam	Kinh	Thanh Hóa
13	GCN26062026-208	Nguyễn Dương Thuỳ	17.07.1986	Nữ	Kinh	Lai Châu
14	GCN26062026-209	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	20.06.1991	Nữ	Kinh	Ninh Bình
15	GCN26062026-210	Nguyễn Xuân Thuỷ	07.10.2003	Nam	Tày	Lao Cai
16	GCN26062026-211	Lại Văn Thường	01.01.1983	Nam	Kinh	Ninh Bình
17	GCN26062026-212	Hoàng Văn Triển	03.10.1998	Nam	Ngạn	Tuyên Quang
18	GCN26062026-213	Nguyễn Đức Trọng	28.12.1996	Nam	Kinh	Hà Nội
19	GCN26062026-214	Phạm Văn Trọng	07.08.1984	Nam	Kinh	Thanh Hóa
20	GCN26062026-215	Bùi Văn Trung	08.09.1996	Nam	Mường	Hà Nội
21	GCN26062026-216	Đinh Sầm Trung	24.04.1998	Nam	Tày	Cao Bằng
22	GCN26062026-217	Đỗ Thành Trung	04.10.1985	Nam	Kinh	Gia Lai
23	GCN26062026-218	Khổng Nhật Trung	26.09.2003	Nam	Kinh	Phú Thọ
24	GCN26062026-219	Lê Thanh Trung	22.07.1981	Nam	Kinh	Thanh Hoá
25	GCN26062026-220	Trần Quang Trung	05.03.1978	Nam	Kinh	Điện Biên
26	GCN26062026-221	Bùi Hữu Trường	26.08.1986	Nam	Kinh	Thái Bình
27	GCN26062026-222	Hoàng Xuân Trường	02.04.1988	Nam	Kinh	Nghệ An
28	GCN26062026-223	Lê Văn Trường	08.02.1979	Nam	Kinh	Hung Yên
29	GCN26062026-224	Lê Văn Trường	03.11.1990	Nam	Kinh	Nghệ An
30	GCN26062026-225	Nguyễn Xuân Trường	12.07.1992	Nam	Kinh	Vĩnh phúc
31	GCN26062026-226	Đặng Đức Văn	04.03.1974	Nam	Kinh	Bắc Giang
32	GCN26062026-227	Đinh Anh Văn	18.05.1984	Nam	Kinh	Lào Cai
33	GCN26062026-228	Nguyễn Đình Văn	23.10.1992	Nam	Kinh	Hung Yên
34	GCN26062026-229	Nguyễn Xuân Văn	24.04.1994	Nam	Kinh	Hà Nội
35	GCN26062026-230	Đào Văn Văn	11.01.1992	Nam	Kinh	Ninh Bình
36	GCN26062026-231	Đỗ Thị Vân	03.10.1991	Nữ	Kinh	Hà Nội
37	GCN26062026-232	Lê Thanh Việt	10.10.1995	Nam	Kinh	Ninh Bình
38	GCN26062026-233	Phạm Văn Vượng	19.05.1977	Nam	Kinh	Bắc Ninh
39	GCN26062026-234	Vũ Thị Yến	26.04.2000	Nữ	Kinh	Quảng Ninh

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

NGÀY THI: 26/6/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 07

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TNMT26062026-235	Nguyễn Thị Châu Anh	23.11.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
2	TNMT26062026-236	Lê Thuỳ Dung	29.04.2002	Nữ	Kinh	Hà Nội
3	TNMT26062026-237	Tạ Quang Đạt	22.10.2002	Nam	Kinh	Hà Tây
4	TNMT26062026-238	Nguyễn Thị Hồng Hải	08.02.2005	Nữ	Kinh	Hải Phòng
5	TNMT26062026-239	Bùi Thị Thu Hằng	27.01.2005	Nữ	Kinh	Phú Thọ
6	TNMT26062026-240	Trần Thị Kim Huệ	23.09.2004	Nữ	Kinh	TP HCM
7	TNMT26062026-241	Nguyễn Hà Lan Hương	22.04.2005	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc
8	TNMT26062026-242	Nguyễn Thị Hường	06.02.2005	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
9	TNMT26062026-243	Nguyễn Thị Ngọc Lan	06.01.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
10	TNMT26062026-244	Nguyễn Thị Linh	10.02.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
11	TNMT26062026-245	Nguyễn Thuỳ Linh	14.12.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
12	TNMT26062026-246	Nguyễn Khánh Ly	28.09.2005	Nữ	Kinh	Hà Nội
13	TNMT26062026-247	Nguyễn Thị Ngân	04.02.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
14	TNMT26062026-248	Hoàng Thị Oanh	25.10.2005	Nữ	Sán Diu	Vĩnh Phúc
15	TNMT26062026-249	Lê Hà Phương	02.09.2004	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
16	TNMT26062026-250	Phương Thị Như Quỳnh	14.07.2005	Nữ	Kinh	Hà Nội
17	TNMT26062026-251	Trần Thị Như Quỳnh	29.09.2005	Nữ	Kinh	Hải Dương
18	TNMT26062026-252	Vũ Hải Thành	09.01.2004	Nam	Kinh	Hải Phòng
19	TNMT26062026-253	Phạm Thu Trang	23.11.2005	Nữ	Kinh	Thái Bình
20	TNMT26062026-254	Trần Hoài Trang	01.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Bình
21	TNMT26062026-255	Vũ Thị Kiều Trang	17.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có: 21 thí sinh./.